

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 14/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

( V/v Ly hôn và nuôi con)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN - TỈNH THANH HOÁ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông: Mai Đình Thuận

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông: Mai Đức Danh

Ông: Đỗ Xuân Ngọc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trịnh Huy Thuận – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá:*** Không tham gia

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án " Hôn nhân gia đình" thụ lý số: 57/2020TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc " *Ly hôn và nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/ HNGĐ-ST, ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1980

Trú tại: Thôn Nam Trường, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia - Thanh Hóa

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Trung S - Sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn Nam Trường, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia - Thanh Hóa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 02 năm 2020, và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa chị Nguyễn Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Chị và anh Bùi Trung S tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 27/8/2002 tại UBND xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh S không tu chí làm ăn mà hay rượu chè, cờ bạc, thường xuyên gây sự chửi bới và đánh chị. Ngoài ra anh S còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn nhiều hơn. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung trong một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Bùi Trung S.

\* Anh Bùi Trung S trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như Chị H khai là đúng. Vợ chồng sau khi cưới chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng cũng có những bất đồng quan điểm, anh thừa nhận trong lúc nóng giận anh không kìm chế được nên có chửi bới và đánh chị Chị H, nhưng anh vẫn yêu thương vợ con. Chị H xin ly hôn Anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

\* Về con chung: Chị H và anh S thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thu Thủy, sinh ngày 31/8/2003 và cháu Bùi Nguyễn Tường Vi, sinh ngày 27/11/2012.

*\* Ý kiến của Chị H:*

Chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con và chị yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ 01 cháu cho đến khi các cháu thành niên. Hiện nay chị đang làm giáo viên của trường mầm non tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, mức thu nhập của chị 6.380.000đ/1 tháng.

*\* Ý kiến của anh S :*

Nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng một con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng. Hiện nay công việc của anh làm xe lai (xe ôm) mức thu nhập không ổn định.

\* Ý kiến của cháu Bùi Thu Thủy và cháu Bùi Nguyễn Tường Vi: Trong trường hợp bố Sơn và mẹ Hải ly hôn nguyện vọng của các cháu muốn được ở với Chị H.

\* Về tài sản và công nợ:

*\* Ý kiến của Chị H: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ.*

*\* Ý kiến trình bày của anh S:* Tại bản tự khai ngày 03/3/2020 anh có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng nhưng đến ngày 13/7/2020 anh đã rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ.

Tại phiên tòa anh S yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa, do vậy hôn nhân giữa Chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, anh S thừa nhận nhiều lần có đánh Chị H, ngoài ra Chị H cho rằng anh S có quan hệ nam nữ với người con gái khác, dẫn đến mất lòng tin, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị xin được ly hôn với anh S.

Anh S không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh S, trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn anh S không đưa ra được giải pháp tích cực để vợ chồng đoàn tụ. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H.

**[3] Đối với yêu cầu nuôi con:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thu Thủy, sinh ngày 31/8/2003 và cháu Bùi Nguyễn Tường Vi, sinh ngày 27/11/2012, Chị H đề nghị nuôi cả 2 con, anh S đề nghị nuôi 1 con.

Tại phiên tòa Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi con. Song xét thấy công việc của anh S thường xuyên vắng nhà không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, còn Chị H là giáo viên công tác tại trường ở xã Trường Lâm, công tác ổn định, các cháu là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ. các cháu tha thiết đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của Chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 2 con chung.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con:** Tại phiên tòa Chị H đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi một tháng một cháu là 1.500.000đ; anh S không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của Chị H đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu là 1.500.000đ, so với mức thu nhập của anh S là cao. Do vậy anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 cháu là 1.000.000đ là phù hợp.

**[ 5] Về tài sản:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa anh S yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Xét yêu cầu của anh S không có cơ sở chấp nhận vì: Ngay sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho anh S biết các nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Anh S có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh để Tòa án tiến hành xác minh. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, anh S lại rút yêu cầu không đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử chỉ giải quyết nội dung ly hôn và con chung. Không chấp nhận yêu cầu của anh S về việc chia tài sản chung của vợ chồng mà giành quyền khởi kiện cho anh S về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi có yêu cầu.

**[6] Án phí:** Đương sự phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 271 và Điều 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Trung S được ly hôn
2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thu Thủy, sinh ngày 31/8/2003 và cháu Bùi Nguyễn Tường Vi, sinh ngày 27/11/2012.

Giao cháu cháu Thủy và cháu Vi cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Thủy và cháu Vi mỗi tháng một cháu là 1.000.000đ (hai cháu là 2.000.000đ/1 tháng)) cho đến khi các cháu thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2020.

Anh S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết tài sản. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0004338, ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia ( nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

Anh S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

**Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Trường Lâm;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Đình Thuận**